



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Ngày 31/12/2025	21,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.4%	0.9%	-5.2%

DT thuần Q4/25
1,691
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 364 27.5%
YoY: ▲ 113 7.2%

LN thuần Q4/25
345
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 277 406%
YoY: ▲ 276 402%

LN sau thuế Q4/25
340
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 248 269%
YoY: ▲ 285 523%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
13.7%
YoY: +/- ▲ 3.5%

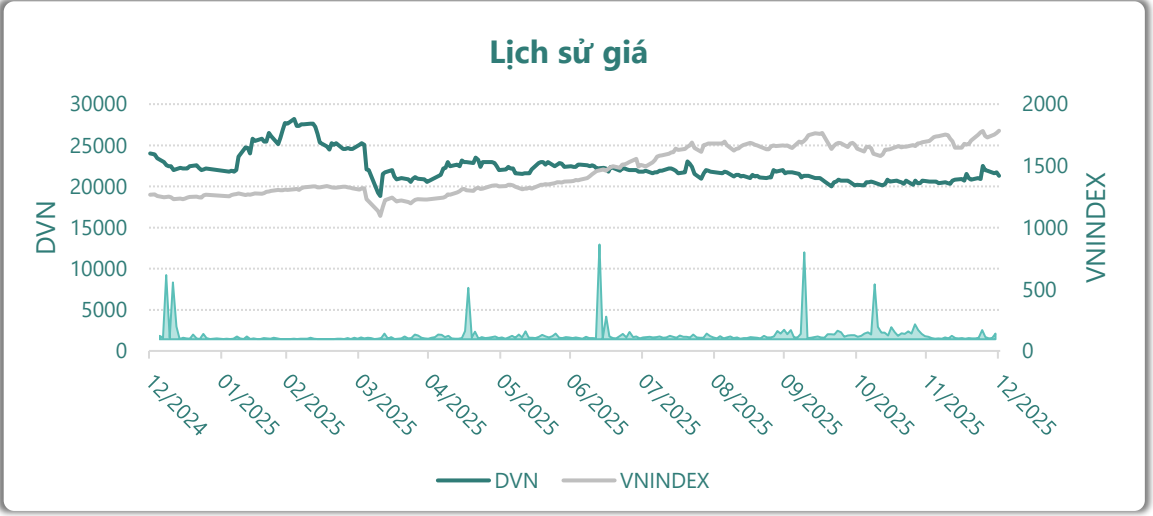
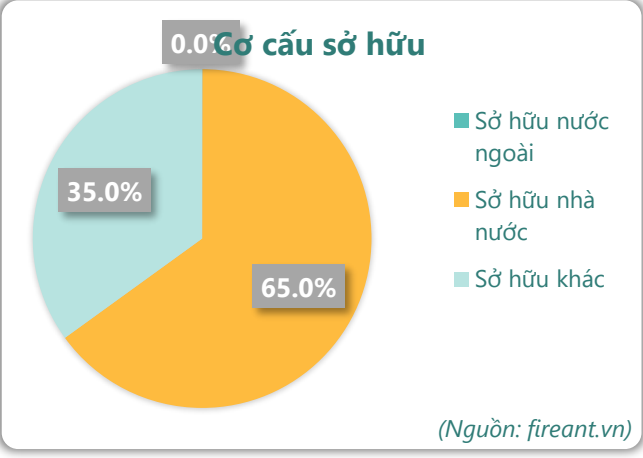
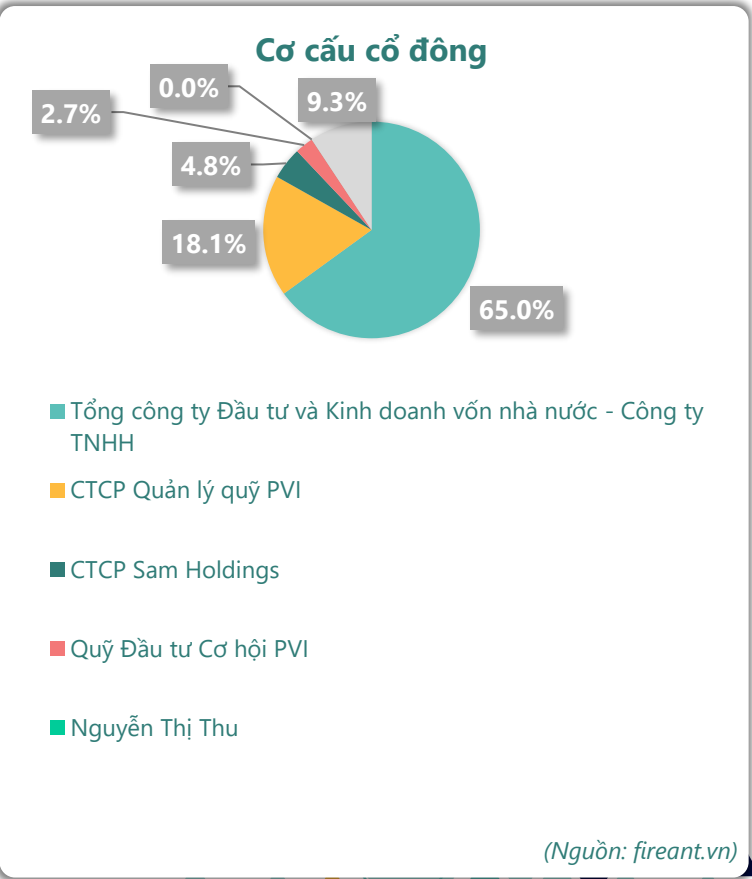
ROE 2025
16.7%
YoY: +/- ▲ 4.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,832 - 28,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,048
Số lượng CPLH (CP)	237,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	333,775
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.48
EPS	2,612
P/E	8.2

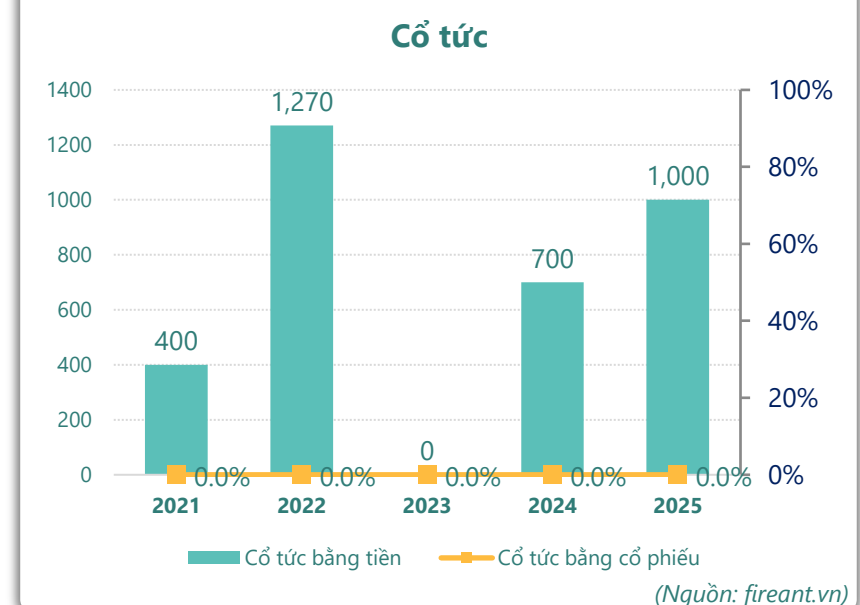
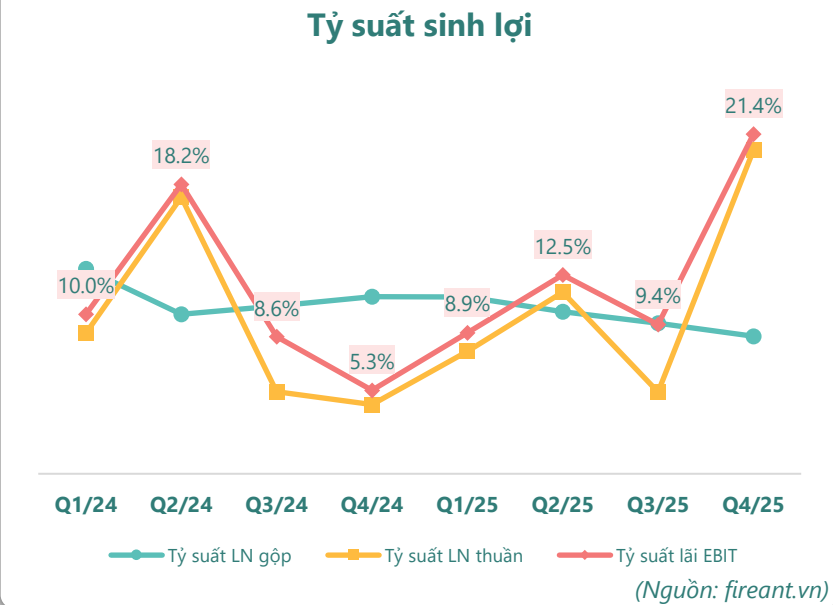
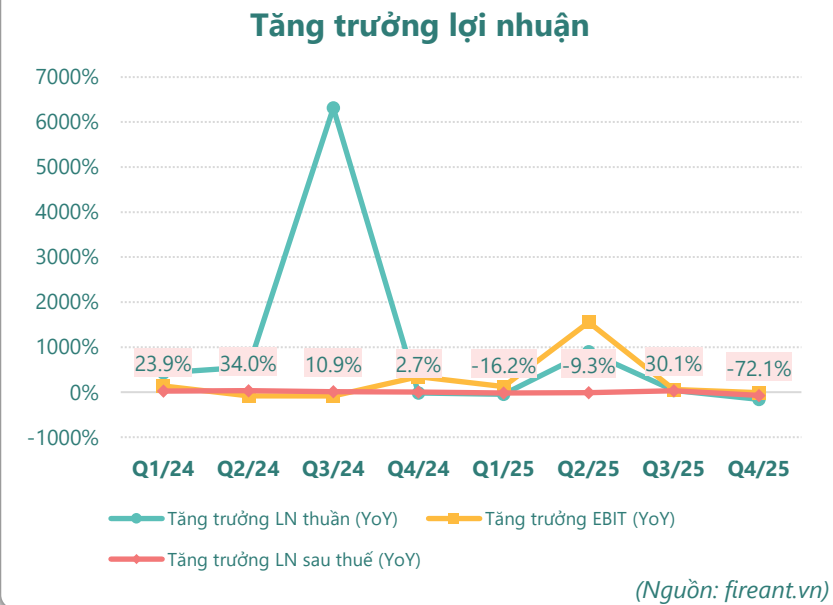
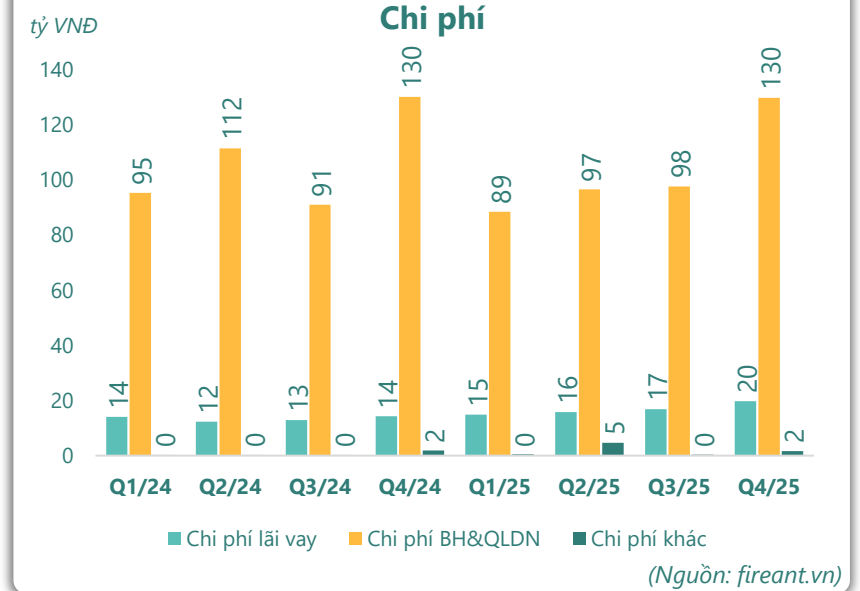
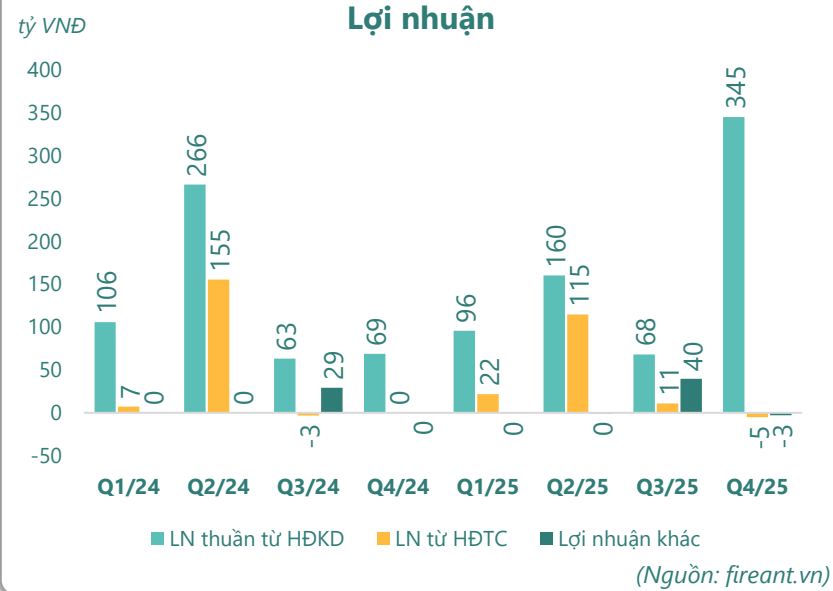
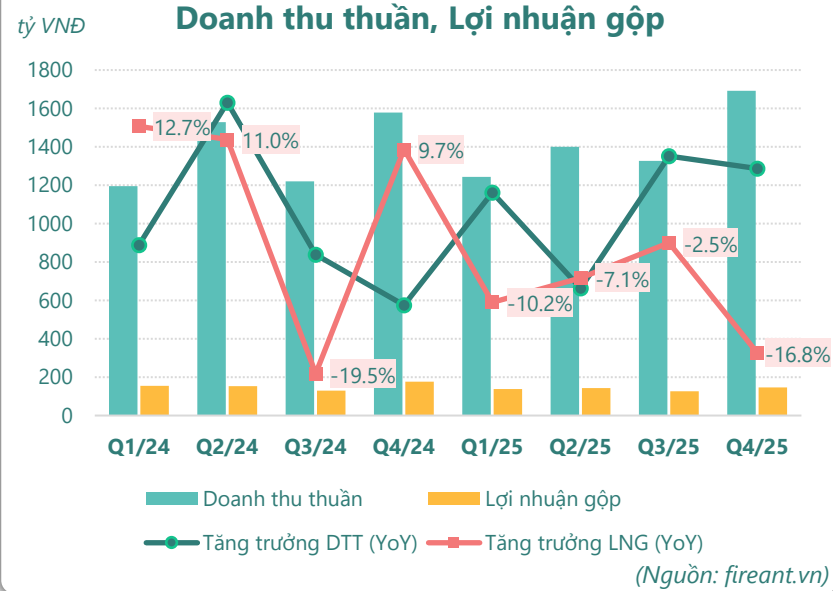
DT thuần 2025
5,662
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 140 2.5%

LN thuần 2025
669
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 186 38.6%

LN sau thuế 2025
671
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 203 43.3%

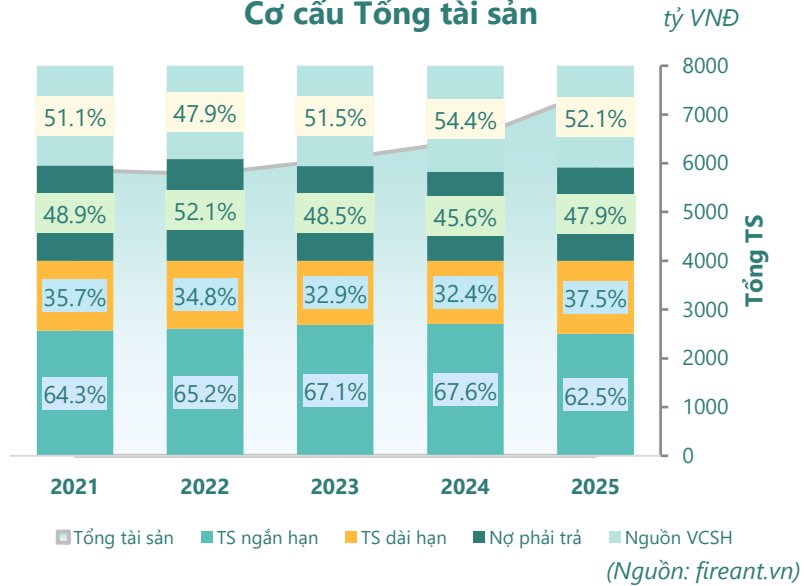


KẾT QUẢ KINH DOANH

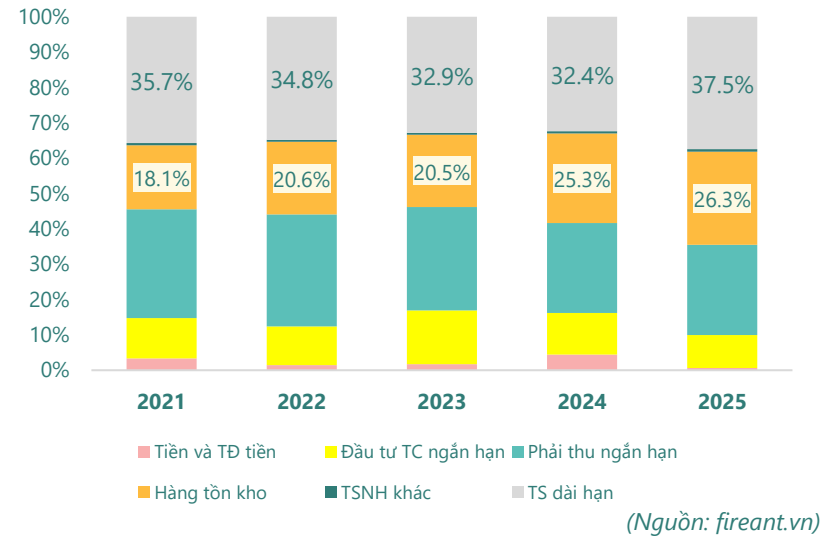


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

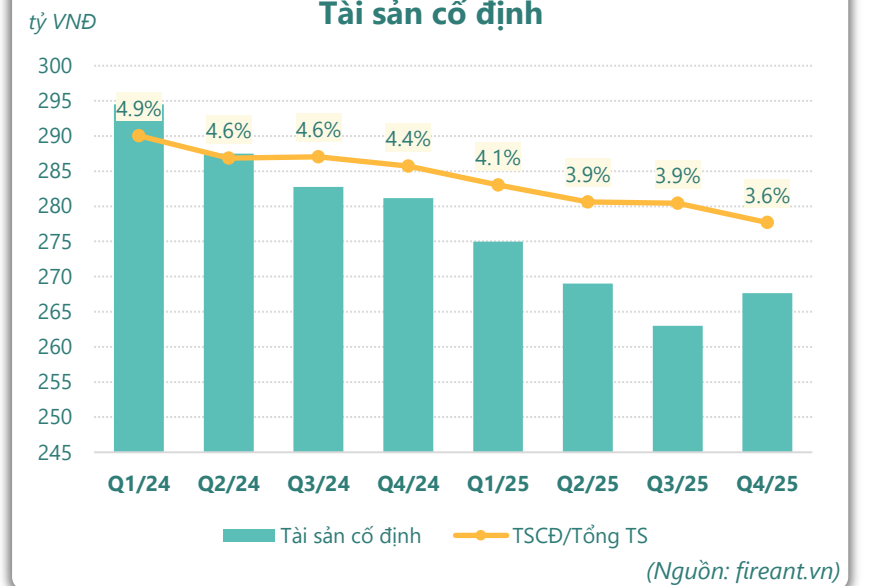
Cơ cấu Tổng tài sản



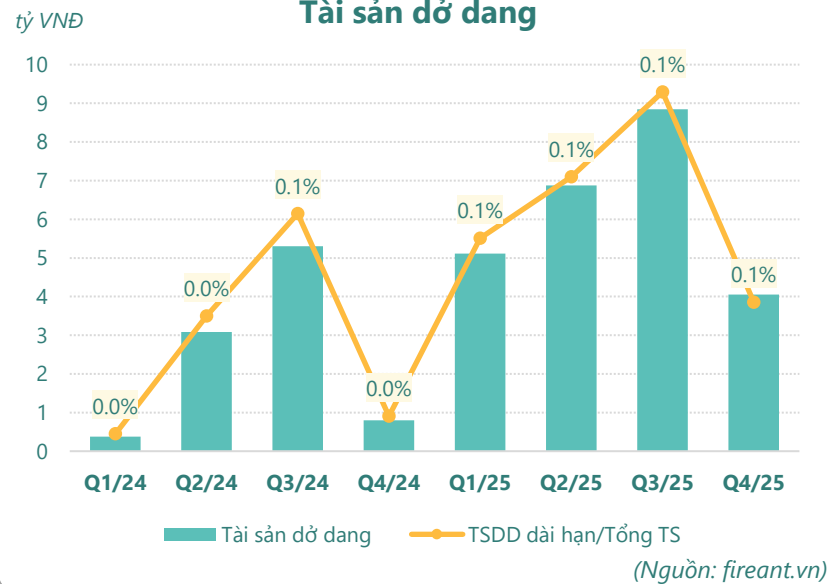
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



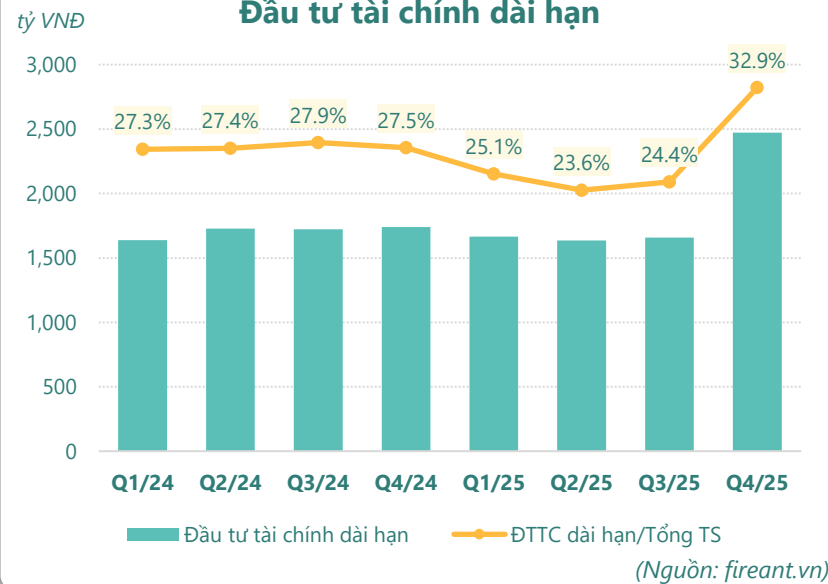
Tài sản cố định



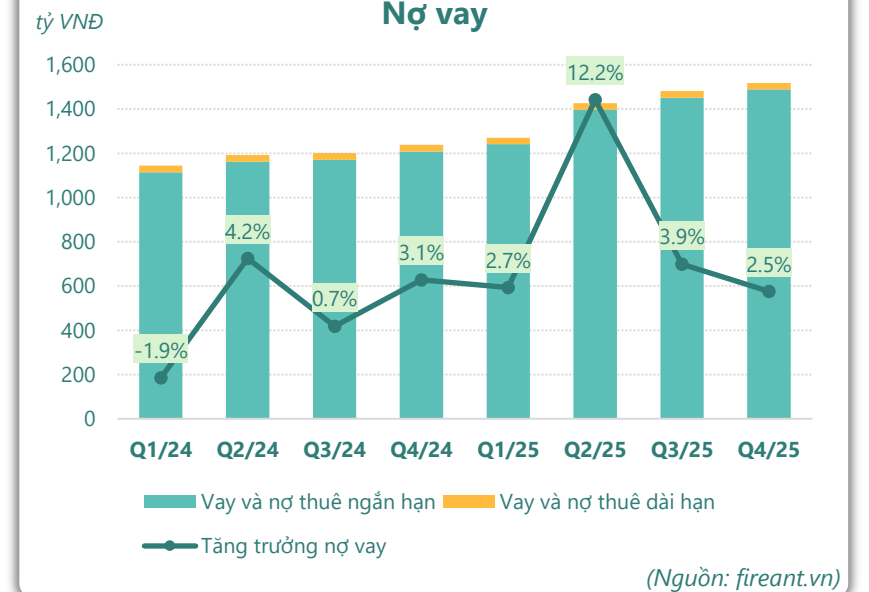
Tài sản dở dang



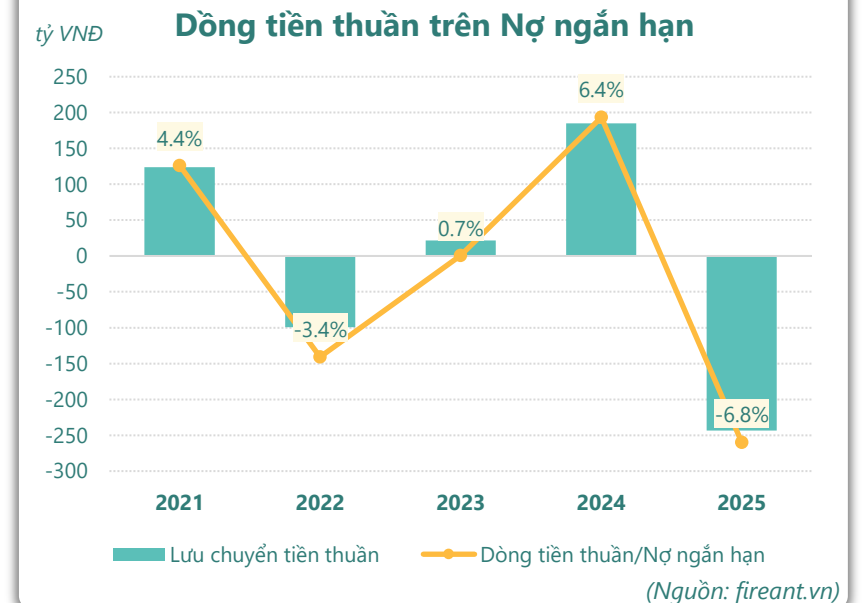
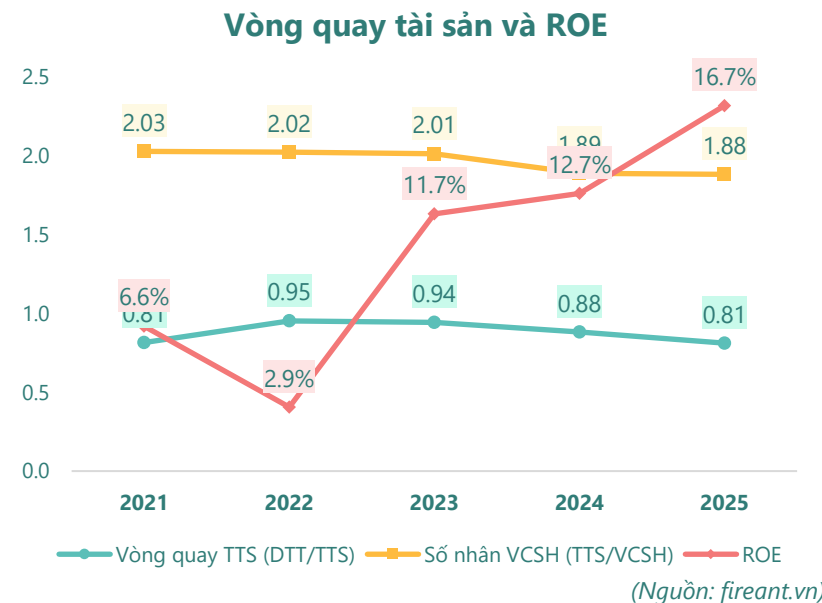
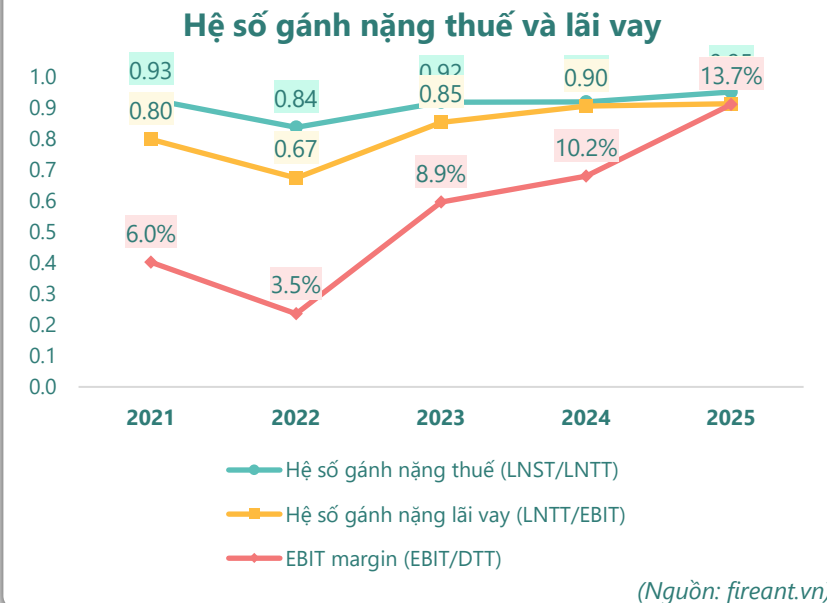
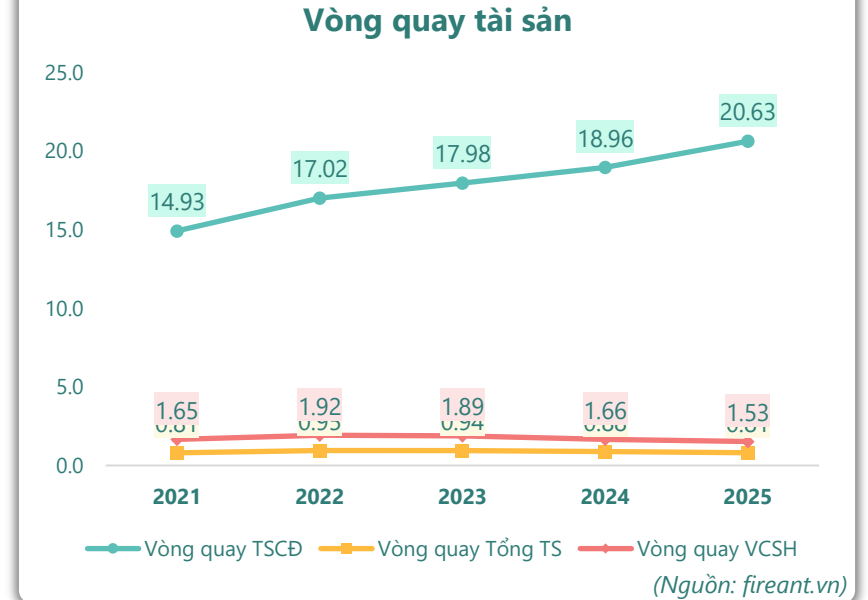
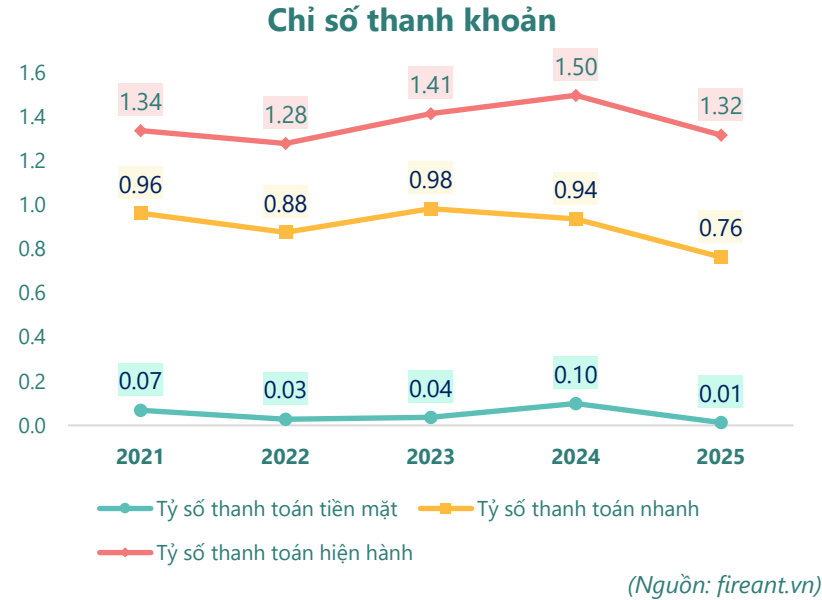
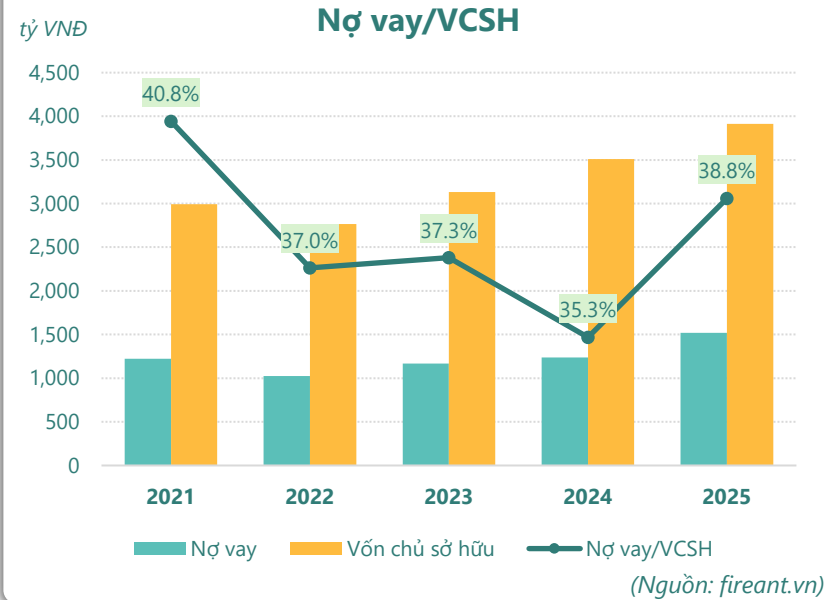
Đầu tư tài chính dài hạn



Nợ vay



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,691	1,578	7.2%	5,662	5,522	2.5%
Giá vốn hàng bán	1,545	1,402	10.2%	5,108	4,929	3.6%
Lợi nhuận gộp	147	176	-16.7%	554	593	-6.6%
Doanh thu HĐTC	32.6	39.1	-16.5%	263	258	1.8%
Chi phí TC	37.6	38.6	-2.6%	120	104	16.1%
Chi phí lãi vay	19.7	14.3	38.1%	67.3	53.5	25.8%
LN trong công ty LKLD	333	22.4	1389%	386	159	143%
Chi phí bán hàng	89.7	82.5	8.7%	281	274	2.7%
Chi phí QLDN	40.3	47.8	-15.7%	132	149	-11.7%
LN thuần từ HĐKD	345	68.8	402%	669	483	38.6%
Lợi nhuận khác	-2.72	-0.06	-4441%	36.3	26.2	38.9%
LN trước thuế	342	68.8	398%	706	509	38.6%
Lợi nhuận sau thuế	340	54.6	523%	671	468	43.3%
LNST của CĐ cty mẹ	332	44.1	652%	619	421	47.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.7	-45.5	-61.9	-574	467	8.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	643	-237	-207	466	184	-554
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-172	31.1	33.0	155	-198	37.9
Tiền đầu kỳ	54.9	541	289	52.9	99.9	549
Lưu chuyển tiền thuần	489	-251	-236	46.9	453	-508
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.59	-0.05	0.07	0.02	-3.98	3.11
Tiền cuối kỳ	541	289	52.9	99.9	549	44.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,506	6,455	16.3%
Tài sản ngắn hạn	4,695	4,363	7.6%
Tiền và tương đương tiền	44.9	289	-84.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	702	756	-7.0%
Phải thu ngắn hạn	1,917	1,646	16.5%
Hàng tồn kho	1,975	1,633	20.9%
Tài sản ngắn hạn khác	56.0	39.5	41.7%
Tài sản dài hạn	2,811	2,092	34.4%
Phải thu dài hạn	1.39	0.71	96.2%
Tài sản cố định	268	281	-4.8%
Bất động sản đầu tư	34.8	35.8	-2.7%
Tài sản dở dang	4.05	0.80	407%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,472	1,739	42.2%
Tài sản dài hạn khác	31.8	35.3	-9.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,595	2,946	22.0%
Nợ ngắn hạn	3,564	2,914	22.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,488	1,208	23.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,810	1,556	16.3%
Nợ dài hạn	31.1	31.5	-1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	29.8	30.2	-1.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,912	3,510	11.4%
Vốn chủ sở hữu	3,912	3,510	11.4%
Vốn điều lệ	2,370	2,370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

